

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE

ĐẾN Số: 2162
Ngày: 15/12/09

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện các Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị (khoá X)
Chuyển: về phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đến năm 2020

Triển khai thực hiện Kết luận số 234-TB/TW ngày 01 tháng 4 năm 2009 của Bộ Chính trị về việc báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về khoa học và công nghệ và nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học công nghệ từ nay đến 2020 và Thông báo Kết luận số 242-TB/TW ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Chính trị (khoá X) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 2 (khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện gồm những nội dung cụ thể như sau:

A. VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học, năng lực sáng tạo và đổi mới công nghệ, tăng tỷ trọng đóng góp của khoa học và công nghệ trong việc nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ tốt cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh vào năm 2020.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Nâng cao năng lực tiếp nhận, làm chủ công nghệ, đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ trong các ngành, lĩnh vực trọng yếu của địa phương. Đẩy nhanh tốc độ phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực và các sản phẩm nông nghiệp có giá trị, chất lượng và lợi thế cạnh tranh thị trường trong nước và quốc tế.

2.2. Bảo đảm cung cấp căn cứ khoa học để hoạch định các chủ trương, chính sách, qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các giải pháp thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh, bền vững đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập.

2.3 Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ địa phương. Tạo bước chuyển biến về năng lực và trình độ nghiên cứu nghiên cứu khoa học và sáng tạo công nghệ; phát triển và thu hút nguồn nhân lực khoa học và công nghệ cùng với việc tăng cường đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho khoa học và công nghệ.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP:

I.

1. Nhiệm vụ:

1.1. Xây dựng bổ sung hoàn thiện quy hoạch Khoa học và Công nghệ gắn với qui hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với điều kiện địa phương, khu vực và yêu cầu hội nhập;

1.2. Tập trung triển khai tốt các chương trình khoa học công nghệ trọng điểm và các chương trình mục tiêu:

- Chương trình ứng dụng chuyển giao Khoa học và Công nghệ phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Chú trọng công nghệ sinh học chọn tạo giống, công nghệ bảo quản chế biến nông sản, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Hình thành các vùng chuyên canh tập trung cho cây đặc sản có lợi thế.

- Chương trình Phát triển công nghệ để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng công nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp lựa chọn, ứng dụng, chuyển giao công nghệ thích hợp; đổi mới thiết bị công nghệ nâng cao chất lượng và cạnh tranh sản phẩm nhất là các sản phẩm chế biến thủy sản, sản phẩm từ dừa, đường, bánh kẹo...

- Chương trình điều tra cơ bản và bảo vệ môi trường. Nghiên cứu các giải pháp dự báo ứng phó với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống dịch bệnh, thiên tai (bão lụt, xói lở bờ sông, bồi lấp các cửa sông, hạn hán, xâm nhập mặn .v.v...); quy trình quản lý, khai thác tổng hợp hiệu quả tài nguyên nước và công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, kết hợp phát triển nông nghiệp với bảo vệ môi trường.

- Chương trình nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp thu hút nguồn lực; cải cách hành chính; xóa đói giảm nghèo; xây dựng quan hệ sản xuất mới trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vấn đề hội nhập, thị trường các sản phẩm chủ yếu của tỉnh, phát triển các loại hình du lịch sinh thái của tỉnh. Nghiên cứu lịch sử, truyền thống, danh nhân văn hoá địa phương các giải pháp xây dựng cuộc sống mới khu dân cư nông thôn, xây dựng gia đình văn hóa, làm nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

1.3. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Triển khai các đề án chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng và hội nhập.

1.4. Huy động và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ. Xây dựng các kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

1.5. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ. Đa dạng hóa đối tác và hình thức hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, thể chế hóa việc quy định đưa nội dung khoa học và công nghệ vào các dự án hợp tác quốc tế về kinh tế, tranh thủ tối đa các kênh chuyển giao công nghệ hiện đại từ nước ngoài.

2. Giải pháp:

2.1. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới tổ chức và quản lý khoa học và công nghệ.

- Đổi mới cơ chế tài chính phù hợp đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng thay cơ chế tài chính hành chính bằng cơ chế tài chính sự nghiệp để tạo động lực cho các tổ chức sự nghiệp khoa học và công nghệ hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Xây dựng triển khai quy hoạch, kế hoạch, phát triển khoa học và công nghệ gắn với qui hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với điều kiện địa phương.

- Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi và hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ sang hoạt động theo cơ chế tự chủ; hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

- Phát động phong trào nghiên cứu, sáng tạo kỹ thuật ở các ngành, địa phương, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực quản lý, sản xuất, kinh doanh nhằm tạo ra bước chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa.

2.2. Đẩy mạnh phát triển và tạo lập thị trường Công nghệ.

- Triển khai đề án hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng và hội nhập thông qua các chương trình:

+ Chương trình xúc tiến năng suất chất lượng và hội nhập;

+ Chương trình hỗ trợ Doanh nghiệp nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

+ Chương trình tiêu chuẩn hóa và hỗ trợ Doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO 9001, Haccp, GMP...);

+ Chương trình hỗ trợ Doanh nghiệp xác lập, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ (Xây dựng thương hiệu);

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ.

- Phát triển và xã hội hóa các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ (thông tin, tư vấn môi giới, đánh giá, định giá thẩm định, giám định công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng). Tích cực hỗ trợ Doanh nghiệp tham gia các phiên chợ Công nghệ, sàn giao dịch Công nghệ.

- Xây dựng và phát triển mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với khoa học và công nghệ các trường, viện, nhà phân phối,... phù hợp với thị trường khoa học và công nghệ và thực tế của địa phương.

2.3. Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ.

- Xây dựng các kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ và tiếp tục nghiên cứu đổi mới chính sách thu hút, đãi ngộ trọng dụng và tôn vinh nhân tài. Khuyến khích và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào quá trình đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ và hình thành các tổ chức dịch vụ tư vấn khoa học và công nghệ. Tăng cường đầu tư ngân sách cùng với kết hợp huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ;

- Tổ chức đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học và công nghệ cấp huyện và các cán bộ là thành viên của Hội đồng khoa học và công nghệ ở cấp cơ sở thông qua các hình thức đào tạo ngắn hạn hoặc hội thảo, hội nghị cấp tỉnh, vùng và toàn quốc.

- Thành lập quỹ phát triển triển khoa học công nghệ hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: Quỹ tài trợ, cho vay để thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học không thuộc các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong kế hoạch của tỉnh; hỗ trợ cho các đề tài nghiên cứu do tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đề xuất.

- Xây dựng phát triển nguồn nhân lực thông tin khoa học và công nghệ.

2.4. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục xây dựng và thực hiện các chương trình hợp tác về khoa học và công nghệ với các trường, viện và các tỉnh thành trong khu vực.

- Xây dựng đề án đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

- Chủ động tham gia các chương trình nghiên cứu quốc tế; xây dựng các chương trình, dự án đón đầu nhằm nhanh chóng rút ngắn khoảng cách khoa học và công nghệ của tỉnh với các nước khu vực và quốc tế.

B. VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Tổ chức nghiên cứu quán triệt và tuyên truyền kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW2 (khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020:

- Sở Giáo dục và Đào tạo, các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục và đào tạo tổ chức nghiên cứu, quán triệt trong đội ngũ nhà giáo, đồng thời tuyên truyền, phổ biến trong phụ huynh học sinh hiểu rõ nội dung kết luận của Bộ Chính trị.

- Trong quá trình nghiên cứu, quán triệt, các cấp quản lý giáo dục cần tập trung đánh giá những thành quả quan trọng đã đạt được; những tồn tại yếu kém; nguyên nhân và đề ra chương trình hành động với những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của đơn vị để thực hiện kết luận của Bộ Chính trị trong thời gian tới.

Thời gian hoàn thành thực hiện các nội dung trên chậm nhất là cuối tháng 01 năm 2010.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên:

- Triển khai đại trà chương trình giáo dục mầm non mới; tập trung thực hiện phổ cập mẫu giáo 5 tuổi; nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ để đến năm 2020 giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng xuống dưới 5%; đến năm 2020 có ít nhất 60% trường mầm non tổ chức bán trú, phát triển mạnh các nhóm trẻ gia đình ở nông thôn với nhiều hình thức phù hợp.

- Triển khai dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng phù hợp với từng đối tượng học sinh phổ thông. Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, nhất là các môn khoa học xã hội, đạo đức, giáo dục công dân. Khuyến khích tinh thần tự học và khả năng sáng tạo của học sinh. Đến năm 2020, 100% trường tiểu học và ít nhất 50% trường trung học dạy 2 buổi/ngày. Tập trung đầu tư chất lượng trường Chuyên, phát hiện và bồi dưỡng kịp thời học sinh giỏi, học sinh có tiềm năng; khuyến khích các học sinh có điều kiện đi du học.

- Tiếp tục thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập. Cùng cố, đầu tư các trung tâm giáo dục thường xuyên và các trung tâm học tập cộng đồng. Mở rộng phạm vi, đối tượng và nâng cao chất lượng các hình thức học tập; tạo nhiều cơ hội cho người dân học tập suốt đời.

- Tạo sự chuyển biến mạnh về chất lượng đào tạo trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng của xã hội, đồng thời với việc tăng cường hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và tốt nghiệp trung học phổ thông. Đẩy mạnh liên kết đào tạo để phát triển thêm ngành, nghề đào tạo. Phấn đấu đến năm 2010 đạt 130 sinh viên/vạn dân và đến năm 2020 đạt 250 sinh viên/vạn dân. Đẩy nhanh tiến độ thành lập Trường Đại học Bến Tre và tạo điều kiện thuận lợi cho Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng (Tp.HCM) thành lập cơ sở 2 tại tỉnh.

- Tăng cường công tác giáo dục toàn diện, coi trọng 3 mặt giáo dục: dạy làm người, dạy chữ, dạy nghề, đặc biệt chú ý giáo dục lý tưởng, phẩm chất đạo đức, lối sống, lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc, giáo dục về Đảng. Ngăn chặn xu hướng coi nhẹ giáo dục chính trị, tư tưởng, xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa, các biểu hiện tiêu cực trong hoạt động giáo dục. Quan tâm giáo dục nhân cách, kỹ năng sống cho học sinh.

- Gắn việc thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” với cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, cuộc vận động “Hai không” và phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

- Tích cực triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2008-2020 của Chính phủ; phát triển nhanh dạy tin học trong trường phổ thông; phấn đấu đến năm 2020 tất cả các trường Tiểu học đều có dạy ngoại ngữ và tin học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập.

3. Phát triển mạng lưới trường, lớp; thực hiện phổ cập giáo dục; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:

- Tiếp tục điều chỉnh, phát triển mạng lưới trường, lớp; triển khai Đề án phát triển hệ thống trường Chuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tạo điều kiện khuyến khích thành lập các trường ngoài công lập; phát triển thêm các trường trung học phổ thông ở các huyện vùng biển, huyện Mỏ Cày Bắc và huyện Chợ Lách.

- Tập trung đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia để đến năm 2010 có ít nhất 100 trường đạt chuẩn và đến năm 2020 có ít nhất 50% trường mầm non và trường phổ thông đạt chuẩn.

- Giữ vững và nâng cao chất lượng thành quả phổ cập giáo dục, phấn đấu đến năm 2020 hoàn thành phổ cập giáo dục trung học.

4. Đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo:

- Tăng cường quản lý nhà nước, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đối với ngành giáo dục và đào tạo. Nâng cao năng lực đề xuất, tham mưu của các cấp quản lý giáo dục. Coi trọng công tác kiểm tra, thanh tra các hoạt động giáo dục.

- Triển khai Đề án nâng cao chất lượng phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường. Đẩy mạnh phân cấp quản lý và tăng cường tự chủ của các cơ sở giáo dục đồng thời với việc thực hiện tốt cơ chế công khai, minh bạch.

5. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và quản lý giáo dục đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng:

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW của Ban Bí thư về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005-2010.

- Tập trung đầu tư, nâng chất Khoa Sư phạm của Trường Cao đẳng Bến Tre; tiếp tục tuyển sinh đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học theo hướng trên chuẩn. Sớm giải quyết tình trạng giáo viên không đồng bộ.

- Chú trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Hiệu trưởng đúng chuẩn chất và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên các cấp theo chuẩn nghề nghiệp.

- Phần đầu đến 2020 có 80% giáo viên mầm non, 100% giáo viên tiểu học, 70% giáo viên trung học cơ sở và 20% giáo viên trung học phổ thông đạt trình độ trên chuẩn.

6. Tăng cường nguồn lực cho giáo dục:

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012. Đầu tư xây dựng trường chuyên theo hướng hiện đại; hoàn thành xây dựng nhà vệ sinh cho tất cả các điểm trường trong tỉnh vào năm 2010. Ưu tiên đầu tư vốn xố số kiến thiết cho xây dựng trường sở theo hướng đầu tư tập trung, đạt chuẩn về cơ sở vật chất.

- Tăng cường trang bị đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đảm bảo đến năm 2015 tất cả trường phổ thông đều có thư viện đạt chuẩn, đến năm 2020 các trường trung học đều có phòng thí nghiệm, thực hành và các trường phổ thông đều có phòng vi tính.

- Triển khai thực hiện tốt Nghị định 69/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa trong các hoạt động giáo dục và đào tạo, tích cực kêu gọi đầu tư xây dựng các trường ngoài công lập. Tiếp tục vận động các nhà tài trợ, các nhà hảo tâm đóng góp cho sự nghiệp giáo dục đào tạo; giúp đỡ, hỗ trợ kịp thời cho học sinh gia đình chính sách, gia đình nghèo.

7. Đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục:

Ưu tiên đầu tư cho các cơ sở giáo dục ở vùng sâu, vùng khó khăn; từng bước kéo giảm chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng. Quan tâm đời sống vật chất, tinh thần cho giáo viên ở vùng sâu; giúp đỡ, hỗ trợ kịp thời học sinh con gia đình chính sách, gia đình nghèo, học sinh khuyết tật. Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo cho học sinh để góp phần kéo giảm học sinh bỏ học, lưu ban. Phát triển các loại quỹ khuyến học, khuyến tài trong các tổ chức xã hội và trong các cộng đồng dân cư. Thực hiện tốt chế độ cho vay ưu đãi để học đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và học nghề. Đảm bảo đến năm 2010 tất cả các trường ở vùng nông thôn, vùng sâu đều được nối mạng Internet.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ và nội dung chủ yếu trong Chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch hành động của đơn vị, địa phương mình trong kế hoạch 5 năm và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ của kế hoạch hàng năm.

2. Trên cơ sở những nhiệm vụ và nội dung chủ yếu trong Chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch hành động của đơn vị, địa phương mình trong kế hoạch 5 năm và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ của kế hoạch hàng năm.

Định kỳ hàng năm, các sở, ngành và huyện, thị căn cứ nội dung liên quan báo cáo triển khai, quán triệt Thông báo Kết luận số 234-TB/TW, Thông báo Kết luận số 242-TB/TW và thực hiện Chương trình hành động cụ thể về Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.


3. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ Chương trình hành động này theo dõi kiểm tra, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện thông báo Kết luận của Bộ Chính trị, báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình hành động, yêu cầu các đơn vị chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHCN, Bộ GDĐT;
- Sở KHCN, Sở GDĐT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo TU;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Chánh, Phó VP-NC;
- CVNC các khối;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Xây



**DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

TT	Tên đề án	Đơn vị thực hiện		Tiến độ
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
1	Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bến Tre giai đoạn 2015- 2020	Sở KH&CN	- Viện Chiến lược và chính sách KH&CN	2009
2	Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực KH&CN tỉnh Bến Tre giai đoạn 2015- 2020	Sở KH&CN	- Viện Chiến lược và chính sách KH&CN - Sở Nội vụ	2010
3	Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng và hội nhập đến 2015	Sở KH&CN	- Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và ĐT - Sở Công thương - Sở NN và PTNT	2009 Đã duyệt
4	Đề án cơ chế tài chính hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng hệ thống Quản lý chất lượng tiên tiến.	Sở KH&CN	- Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và ĐT - Sở Công thương - Sở NN và PTNT	2009 Đang trình
5	Đề án cơ chế chính sách thu hút, sử dụng trọng dụng nhân lực KH&CN của tỉnh Bến tre.	Sở Nội Vụ	- Sở Tài chính - Sở KH&CN	2010
6	Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Nội Vụ	- Ban Tổ chức TU - Sở Giáo dục và ĐT - Sở KH&CN - Sở Tài chính	2010
7	Đề án xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đô thị.	Sở NN&PTNT	- Sở KH&CN; - Sở KH&ĐT - Sở Tài chính	2010
8	Đề án xây dựng và phát triển tiềm lực thông tin KH&CN.	Sở KH&CN	- Sở Thông tin và Truyền thông - Sở NN&PTNT	2010
9	Đề án thành lập quỹ hỗ trợ phát triển KH&CN của tỉnh	Sở KH&CN	- Sở Tài chính - Sở KH&ĐT	2010
10	Chương trình ứng dụng KH&CN phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại	Sở KH&CN	- Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và ĐT - Sở Công thương	2010

	hóa nông nghiệp và nông thôn		- Sở NN và PTNT	
11	Chương trình điều tra cơ bản và bảo vệ môi trường	Sở TN và MT	- Sở KH&CN - Sở Công thương - Sở NN và PTNT	2010
12	Chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Sở KH&CN	- Ban Tuyên giáo TU - Sở Giáo dục và ĐT - Sở Y tế	2010
13	Chương trình xúc tiến năng suất chất lượng đến 2015	Sở KH&CN	- Sở Công thương - Sở Thông tin và TT - Hội doanh nghiệp trẻ	2009 Đã duyệt
14	Chương trình hỗ trợ Doanh nghiệp phát triển Công nghệ đến 2015	Sở KH&CN	- Sở Tài chính - Sở Công thương - Sở NN và PTNT	2009 Đã duyệt
15	Chương trình tiêu chuẩn hóa và hỗ trợ Doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO 9001, Haccp, GMP...) đến 2015	Sở KH&CN	- Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và ĐT - Sở Công thương	2009 Đã duyệt
16	Chương trình hỗ trợ Doanh nghiệp xác lập, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ đến 2015	Sở KH&CN	- Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và ĐT - Sở Công thương - Sở NN và PTNT	2009 Đã duyệt
17	Chương trình Xúc tiến, hỗ trợ nông dân trong cơ giới hóa nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến 2015	Sở NN&PTNT	- Sở Tài chính - Sở KH&CN	2010
18	Chương trình Khoa học và Công nghệ về Biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015	Sở KH&CN	- Sở TN và MT - Sở NN và PTNT	2010
19	Chương trình Sản xuất sạch hơn và tiết kiệm năng lượng đến 2015	Sở Công thương	- Sở KH&CN - Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và ĐT	2009
20	Chương trình hợp tác quốc tế về KH&CN.	Sở KH&CN	- Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và ĐT	2010